

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 341/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 02 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển Công nghiệp  
tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

BỘ CÔNG THƯƠNG	
<b>ĐẾN</b>	Số: 1157
	Ngày: 23/2/10
Chuyên: C.M.C. U.N.Đ.P.	

CỤC QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG	
<b>ĐẾN</b>	Số: 466
	Ngày: 25/2/10
Chuyên:	

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ quy định về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 58/2007/QĐ-TTg ngày 04/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công Thương ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển lĩnh vực Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 73/2006/QĐ-TTg ngày 04/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành Công nghiệp Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số: 986/TTr- SCT, ngày 22/12/2009 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 13/12/2009), của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 56/TTr-SKHĐT ngày 18/01/2010 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển Công nghiệp tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển Công nghiệp tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, với những nội dung chính sau:

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN, MỤC TIÊU QUY HOẠCH.**

**1. Quan điểm phát triển**

- Phát triển công nghiệp Thái Nguyên đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó ưu tiên tập trung vào một số ngành tinh có lợi thế.

- Chú trọng chất lượng tăng trưởng GDP của ngành (chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành, đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại...)

- Phát triển công nghiệp với tốc độ cao và bền vững, thân thiện với môi trường; khai thác có hiệu quả các lợi thế của tỉnh về tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực trình độ cao, vị trí trung tâm vùng...

- Phát huy nội lực và tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài với nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia.

## **2. Mục tiêu phát triển công nghiệp đến năm 2020.**

### **2.1. Mục tiêu chung:**

- Đến năm 2020 đưa Thái Nguyên trở thành một tỉnh công nghiệp phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững. Phần đầu mức GDP bình quân đầu người của tỉnh đến năm 2015 bằng và đến năm 2020 cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

- Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hiện đại - hiệu quả với các sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh cao hội nhập đầy đủ và hiệu quả với nền kinh tế quốc tế.

- Chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực được nâng cao, xã hội phát triển đồng bộ với tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm, đời sống nhân dân được cải thiện; bảo vệ môi trường, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh.

- Kết cấu hạ tầng đáp ứng các yêu cầu phát triển, trình độ công nghệ trong nền kinh tế ở mức cao, ứng dụng khoa học và công nghệ được đẩy mạnh, kết hợp cơ khí hóa-hiện đại hóa với công nghệ thông tin và sinh học.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể của ngành công nghiệp Thái Nguyên:**

Song song với phát triển theo chiều rộng, đa dạng hoá các mặt hàng công nghiệp, phải chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu nội bộ ngành theo hướng tăng ngành công nghiệp chế tạo; tăng cường đầu tư chiều sâu, nâng cao trình độ công nghệ chế biến và tỷ lệ giá trị gia tăng của ngành để:

- Tốc độ tăng trưởng GDP công nghiệp bình quân giai đoạn 2011-2020 là 16% .

- Giá trị SXCN đến 2015 đạt 30.000 tỷ đồng, đến 2020 đạt 66.000 tỷ đồng (giá cố định 1994), tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 20%; giai đoạn 2016 -2020 đạt trên 17%.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN.**

### **1. Phương án phát triển**

Trên cơ sở mục tiêu xây dựng Thái Nguyên thành khu vực kinh tế trọng điểm phía bắc Thủ đô Hà Nội và trở thành tỉnh Công nghiệp năm 2020,

phương án phát triển công nghiệp của tỉnh được lựa chọn với các nội dung chủ yếu như sau:

### Chỉ tiêu tổng hợp ngành công nghiệp của tỉnh đến 2020

Stt	Chỉ tiêu	2006-2010	2011-2015	2016-2020
1	Tăng trưởng GTSX CN (%/năm)	18,7	20	17
2	Tốc độ tăng VA SXCN (%/năm)	14,9	16	16
		<b>2010</b>	<b>2015</b>	<b>2020</b>
3	Giá trị SXCN (Tỷ đồng-Đ94)	12.200	30.000	66.000
4	VA trong SXCN (Tỷ đồng-Đ94)	2.430,9	5.105,7	10.723,7

### Phát triển từng nhóm ngành Công nghiệp của Tỉnh đến 2020

Stt	Nhóm ngành	2005 (Tỷ đồng)	2008 (Tỷ đồng)	2010 (Tỷ đồng)	2015 (Tỷ đồng)	2020 (Tỷ đồng)
	<b>Tổng giá trị SXCN</b>	<b>5.175,6</b>	<b>8.685,4</b>	<b>12.200</b>	<b>30.000</b>	<b>66.000</b>
A	<b>Nhóm ngành công nghiệp</b>	5.175,6	8.685,4	12.200	30.000	66.000
1	CN chế tạo máy, điện tử, gia công KL và cơ khí lắp ráp	723,7	1.600,1	2.178	6.700	27.000
2	CN nhẹ, chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng	485,3	1.195,9	1.485	5.100	12.000
3	CN sản xuất VLXD	854,1	1.383,6	2.733	6.700	10.000
4	CN sản xuất kim loại	2.326,8	3.014,8	3.900	7.800	11.000
5	Công nghiệp KT&CB khoáng sản	228,4	298,7	380	1.300	2.000
6	CN điện nước và xử lý chất thải	414,8	910,1	1.000	1.800	2.400
7	CN hoá chất	4,1	10,8	24	100	600

8	CN khác	138,4	271,4	500	500	1.000
B	<b>Cơ cấu nội ngành công nghiệp (%)</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
1	CN chế tạo máy, điện tử, gia công KL và cơ khí lắp ráp (%)	14,0	18,4	17,9	22,3	40,9
2	CN nhẹ, chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng (%)	9,4	13,8	12,2	17,0	18,2
3	CN sản xuất VLXD (%)	16,5	15,9	22,4	22,3	15,2
4	CN sản xuất kim loại (%)	45,0	34,7	32,0	26,0	16,7
5	Công nghiệp KT&CB khoáng sản (%)	4,4	3,4	3,1	4,3	3,0
6	CN điện nước và xử lý chất thải (%)	8,0	10,5	8,2	6,0	3,6
7	CN hoá chất (%)	0,1	0,1	0,2	0,3	0,9
8	CN khác (%)	2,7	3,1	4	1,7	1,5

## 2. Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp

### 2.1. CN chế tạo máy, điện tử, gia công kim loại và cơ khí lắp ráp.

#### \* Định hướng phát triển:

- Ngành công nghiệp chế tạo máy, điện tử, gia công kim loại và cơ khí lắp ráp được định hướng ưu tiên phát triển số 1 của tỉnh, là ngành quan trọng trong hoạch định thay đổi cơ cấu nội bộ ngành, chiếm tỷ trọng lớn sau năm 2015 (đến năm 2020 chiếm 40,9% trong cơ cấu công nghiệp của tỉnh).

- Phát triển công nghiệp cơ khí gắn với phát triển các ngành công nghiệp khác, đặc biệt là với công nghiệp sản xuất kim loại, với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất cơ khí trên địa bàn, giữa các thành phần kinh tế, giữa các cơ sở sản xuất; phấn đấu trở thành ngành sản xuất thiết bị đồng bộ, ngành công nghiệp phụ trợ quan trọng cho các dây chuyền sản xuất, lắp ráp của các tập đoàn đa quốc gia.

- Phát triển cơ khí đáp ứng cơ bản các nhu cầu của tỉnh về các thiết bị, máy móc phục vụ nông nghiệp và nông thôn (dụng cụ, nông cụ cầm tay và các dịch vụ sửa chữa, bảo hành máy và thiết bị); đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước theo phân công của ngành cơ khí vùng và cả nước (đặc biệt là sản phẩm động cơ điêzen đến 400 sức ngựa và các loại dụng cụ, phụ tùng); từng bước sản xuất một số sản phẩm, vật tư, phụ tùng phục vụ công nghiệp khai

thác, chế biến khoáng sản, luyện kim thay thế cho sản phẩm nhập khẩu; mở rộng thêm các sản phẩm xuất khẩu, tiến tới xuất khẩu một số loại phụ tùng.

- Đây là ngành công nghiệp phụ trợ cần được ưu đãi đặc biệt cho phát triển; toàn bộ đầu tư mới đi thẳng vào công nghệ tiên tiến, hiện đại; đầu tư có trọng điểm, tập trung, không dàn trải nhằm phục vụ cho sản xuất: Máy động lực, máy nông nghiệp, phụ tùng ô tô, xe máy, thiết bị chế biến bảo quản sau thu hoạch, công cụ, dụng cụ, phụ tùng Khuyến khích, tạo thuận lợi để mọi thành phần kinh tế tham gia chương trình phát triển cơ khí, đặc biệt là cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

**\* Hướng chuyên môn hóa, phân công sản xuất như sau:**

- Các khu công nghiệp thuộc Sông Công và Phổ Yên: Sản xuất và lắp ráp động cơ diesel, động cơ thủy đến 400 HP, xe tải nhẹ và xe nông dụng, sản xuất và lắp ráp máy kéo, máy nông nghiệp; sản xuất thiết bị điện, điện dân dụng; thiết bị đồng bộ cho ngành dệt; phụ tùng xe máy, ô tô các loại; trục động cơ diesel, hộp số máy kéo-ô tô; sản xuất công cụ, dụng cụ...

- Các khu công nghiệp thuộc thành phố Thái Nguyên: Sản xuất thiết bị cán-kéo thép (cán thép tấm, thép hình), thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và sửa chữa máy các loại

- Các cụm, điểm công nghiệp thuộc địa bàn các huyện: Chủ yếu là các xưởng sửa chữa cơ khí, ngoài ra còn sản xuất các loại thiết bị chế biến nông, lâm sản cỡ nhỏ và vừa; thiết bị bảo quản sau thu hoạch

**\* Mục tiêu phát triển:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
GTSXCN (giá CĐ)	Tỷ đồng	2.178	7.000	27.000
Tỷ trọng trong cơ cấu CN	%	18,15	23,33	40,9
Tốc độ tăng trưởng b/q	%/năm	<u>06-10</u> 23,56	<u>11-15</u> 26,3	<u>16-20</u> 32,1

**2.2. Công nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

**\* Định hướng phát triển:**

- Ngoài những công đoạn của một số lĩnh vực như gia công cơ khí, chế tạo máy đã ứng dụng công nghệ cao; tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ này, đặc biệt là những công đoạn sản xuất có lượng sản phẩm lớn, đòi hỏi chất lượng cao ổn định; những công đoạn sản xuất điều kiện làm việc khắc nghiệt.

- Ưu tiên đầu tư có chọn lọc một số lĩnh vực Công nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện của Thái Nguyên như: Sản xuất linh kiện điện, điện tử, lắp ráp các thiết bị kỹ thuật số (máy tính, điện thoại, màn hình); xây dựng công viên phần mềm.

**\* Hướng chuyên môn hóa, phân công sản xuất như sau:**

- Ứng dụng từng công đoạn được thực hiện trong các đơn vị sản xuất có điều kiện kỹ thuật, vốn đầu tư cho phép.

- Đầu tư những nhà máy lớn, công viên phần mềm tại khu Công nghiệp xã Quyết Thắng (thành phố Thái Nguyên); khu Công nghiệp Tây Phổ Yên, Yên Bình...

**\*Mục tiêu phát triển:** Lĩnh vực này chỉ định ra những hướng cần tập trung để thu hút các dự án Công nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

**2.3. Công nghiệp nhẹ, chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng.**

**\*Mục tiêu phát triển:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
GTSXCN (giá CĐ)	Tỷ đồng	1.485	5.100	12.000
Tỷ trọng trong cơ cấu CN	%	12,45	17	18,2
Tăng trưởng bình quân	%/năm	<u>06-10</u> 25	<u>11-15</u> 27,99	<u>16-20</u> 18,7

**a) Công nghiệp dệt-may-da giày và sản xuất hàng tiêu dùng:**

- Nâng cao năng lực sản xuất các cơ sở may công nghiệp hiện có: Từng bước cải tiến, đầu tư mới trang thiết bị tiên tiến để sản xuất các sản phẩm có chất lượng nhằm giảm dần và hướng tới thay thế việc thực hiện các hợp đồng gia công bằng sản xuất hàng xuất khẩu trực tiếp;

- Đầu tư liên hợp sợi, dệt, nhuộm và các nhà máy may, sản xuất giày dép lớn chuyên làm hàng xuất khẩu, trung tâm đào tạo và thiết kế mẫu một thời trang tại các khu công nghiệp: Sông Công, Nam Phổ Yên, Yên Bình, Diềm Thụy.

- Đối với các cụm công nghiệp nên tổ chức các loại hình sản xuất giày, dép, may công nghiệp; các cơ sở chế biến nông-lâm sản, thực phẩm và các loại hàng hoá tiêu dùng khác có quy mô vừa và nhỏ, với mục đích giải quyết lao động việc làm tại chỗ và sản phẩm phục vụ nhu cầu nội địa, gia công hàng xuất khẩu.

**b) Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống**

- Trên cơ sở quy hoạch chung của tỉnh về các vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống đã được hoạch định theo hướng chuyên canh để có phương án Phát triển nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng cao, quy mô lớn.

- Các cơ sở chế biến hiện tại cần xử lý theo hướng: Chi đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến đối với các cơ sở nằm trong vùng quy hoạch phát triển ngành (các cơ sở còn lại sẽ có phương án bỏ hoặc di chuyển).

- Xây dựng các cơ sở chế biến tập trung mới theo quy mô nguồn nguyên liệu. Không ngừng đa dạng hóa sản phẩm và công tác phát triển thị trường, nâng cao chất lượng sức cạnh tranh và hạ giá thành sản phẩm. Tăng nhanh các sản phẩm chủ lực như: Chế biến chè cao cấp; bia lon-chai-hơi chất lượng cao, nước hoa quả; rau-củ-quả qua chế biến, thịt hộp, đồ ăn nguội... Giảm dần các sản phẩm sơ chế, phát triển chế biến sâu, chế biến các sản phẩm tiêu dùng cuối cùng, nhằm tăng giá trị, chất lượng sản phẩm đủ sức cạnh tranh thị trường trong nước và xuất khẩu.

### c) Công nghiệp chế biến lâm sản:

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ, đổi mới chủng loại mẫu mã, chất lượng sản phẩm các cơ sở đang hoạt động như: Giấy Hoàng Văn Thụ, giấy Sông Công, Nhà máy ván dăm Lưu Xá và các cơ sở sản xuất đồ gỗ gia dụng và đồ dùng văn phòng, gỗ nội thất... đảm bảo phục vụ nhu cầu trong và ngoài tỉnh.

- Khuyến khích các hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh liên kết đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất: Giấy các loại, bột giấy chất lượng cao, gỗ ván dăm, sản xuất đồ gỗ gia dụng, đồ gỗ mỹ nghệ, hàng mây-tre đan xuất khẩu trong các cụm, điểm công nghiệp trên địa bàn.

### 2.4. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

#### \* Phương hướng phát triển:

- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các nhà máy sản xuất VLXD lớn hiện có trên địa bàn phát huy hết công suất như: Xi măng Thái Nguyên (1,5 triệu tấn/năm), La Hiên (0,75 triệu tấn/năm), Quan Triều đi vào sản xuất quý IV-2010 (0,77 triệu tấn/năm); gạch ceramic của Công ty CP Prime, Công ty CP đầu tư và SXCN; gạch tuynen, gạch không nung, đá ốp lát...

- Trong các khu cụm công nghiệp trên địa bàn tiếp tục thu hút đầu tư các dự án lớn sản xuất các sản phẩm mới với công nghệ tiên tiến như: Đá ốp lát cao cấp, cấu kiện bê tông đúc sẵn, vật liệu chịu lửa, xi măng cao dolomit, sản xuất gạch tuynen, gạch không nung, gạch ceramic, tấm lợp sinh thái-chịu nhiệt và cách nhiệt... Các dự án đầu tư sản xuất gốm, sứ cao cấp tại cụm Công nghiệp Phú Lạc, Đại Từ

#### \* Mục tiêu phát triển:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
GTSXCN (giá CĐ)	Tỷ đồng	2.733	6.700	10.000
Tỷ trọng trong cơ cấu CN	%	22,77	23,33	15,2
Tốc độ tăng trưởng b/q	%/năm	<u>06-10</u> 26,19	<u>11-15</u> 19,64	<u>16-20</u> 8,3

## 2.5. Công nghiệp sản xuất kim loại.

### \* Phương hướng phát triển:

- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các dự án lớn về luyện kim đen và luyện kim màu đang đầu tư xây dựng trên địa bàn đi vào sản xuất đúng tiến độ như: Gang thép Thái Nguyên giai đoạn II, Công ty TNHH NN MTV Kim Loại màu Thái Nguyên, Công ty kim loại màu Việt-Bắc, Công ty cổ phần luyện kim đen... Các nhà máy hiện có trên địa bàn cần có phương án đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị công nghệ, để phát huy hết công suất và đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến đầu tư vào ngành luyện kim để sản xuất các sản phẩm luyện kim cao cấp mang thương hiệu Việt Nam trên thị trường.

- Phát triển ngành sản xuất kim loại trên cơ sở phù hợp với nguồn tài nguyên hiện có và đúng với quy hoạch chế biến sâu các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt.

### \* Mục tiêu phát triển:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
GTSXCN (giá CĐ)	Tỷ đồng	4.200	8.000	11.000
Tỷ trọng trong cơ cấu CN	%	35	26,67	15,2
Tốc độ tăng trưởng b/q	%/năm	<u>06-10</u> 12,54	<u>11-15</u> 13,8	<u>16-20</u> 7,1

## 2.6. Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.

### \* Phương hướng phát triển:

- Tập trung khai thác và chế biến các khoáng sản có giá trị kinh tế cao, trữ lượng lớn như quặng: Sắt, Thiếc, Wolfram...; có phương án đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại trong chế biến sâu, Đảm bảo đủ nguyên vật liệu cho các cơ sở luyện kim và sản xuất VLXD của tỉnh, tận thu tài nguyên và bảo vệ môi trường. Không xuất khẩu tinh quặng và các sản phẩm khoáng sản thô.

- Phát triển ngành khai thác chế biến khoáng sản phù hợp với nguồn tài nguyên hiện có của tỉnh và đúng quy hoạch khai thác chế biến các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt; Chế biến sâu khoáng sản nên đầu tư tập trung ở một số cụm công nghiệp như: Trúc Mai, Quang Trung - Chí Sơn, Phú Lạc, Động Đạt...

- Đa dạng hoá quy mô khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở không lãng phí tài nguyên và có sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước; chú trọng công tác thăm dò tìm kiếm mỏ mới, trữ lượng mới.



**\* Mục tiêu phát triển:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
GTSXCN (giá CĐ)	Tỷ đồng	380	1.300	2.000
Tỷ trọng trong cơ cấu CN	%	3,17	4,33	3,0
Tốc độ tăng trưởng b/q	%/năm	<u>06-10</u> 10,7	<u>11-15</u> 27,9	<u>16-20</u> 9,0

**2.7. Công nghiệp điện, nước và xử lý chất thải.****\* Phương hướng phát triển:**

- Phân đầu đáp ứng tối đa nhu cầu về nước, năng lượng điện cho phát triển KTXH của tỉnh. Đảm bảo chất lượng về dịch vụ cung cấp nước, điện phục vụ nhu cầu chung, đặc biệt là sinh hoạt và sản xuất. Coi trọng tiết kiệm hai dạng năng lượng này để giảm thiểu những tác động xấu đối với môi trường.

- Có phương án đầu tư chiều sâu, đảm bảo sản xuất ổn định, hết công suất các cơ sở sản xuất điện, nước hiện có như: Nhiệt điện Cao Ngạn, nhà máy nước Tích Lương, Thái Nguyên, Sông Công... Đẩy nhanh tiến độ đầu tư mới cơ sở Nhiệt điện An Khánh, thủy điện Hồ núi Cốc, các nhà máy nước (Phổ Yên, Phú Bình) và các trạm thủy điện nhỏ, ứng dụng các dạng năng lượng điện khác phục vụ các xã vùng sâu, xa, nơi không đưa được điện lưới Quốc gia...

- Sớm hoàn thiện quy hoạch mạng lưới cung cấp điện, nước trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; có phương án đầu tư nâng cấp, đầu tư mới toàn bộ hệ thống.

- Sau khi hình thành khu Công nghiệp - Đô thị Yên Bình, khu Công nghiệp Điềm Thụy, cần có phương án xây dựng mới 02 nhà máy xử lý chất thải công suất 300.000 tấn/năm, sau năm 2016 tính toán mở rộng nâng công suất lên 600.000 tấn/năm.

**\* Mục tiêu phát triển:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
GTSXCN (giá CĐ)	Tỷ đồng	1.000	1.800	2.400
Tỷ trọng trong cơ cấu CN	%	8,33	6	3,6
Tốc độ tăng trưởng b/q	%/năm	<u>06-10</u> 19,23	<u>11-15</u> 12,5	<u>16-20</u> 5,9

**2.8. Công nghiệp hoá chất.****\* Phương hướng phát triển:**

- Tập trung đầu tư chiều sâu, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, khai thác tối đa công suất các

ơ sở hiện có, triển khai đầu tư nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực hóa dược, đặc biệt là sản xuất các loại thuốc chữa bệnh cả đông và tây dược.

- Liên kết hợp tác và tái cơ cấu các cơ sở hiện có theo chiều dọc nhằm tăng thêm nguồn lực tài chính, nhân lực, kinh nghiệm góp phần nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm đáp ứng các nhu cầu trong và ngoài nước.

- Đầu tư mới các dự án sản xuất phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ nông-lâm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất bao bì nhựa, sơn cao cấp, chất độn công nghiệp; riêng phát triển sản xuất vật liệu nổ phải tuân theo quy hoạch phát triển vật liệu nổ cả nước đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

**\* Mục tiêu phát triển:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
GTSXCN (giá CĐ)	Tỷ đồng	24	100	600
Tỷ trọng trong cơ cấu CN	%	0,2	0,33	0,9
Tốc độ tăng trưởng b/q	%/năm	<u>06-10</u> 43	<u>11-15</u> 33	<u>16-20</u> 43,1

### 3. Quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp.

#### 3.1. Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp đến 2020.

Stt	KCN	Vị trí	Diện tích (ha)	Tính chất, chức năng
1	KCN Nam Phố Yên,	Phố Yên (xã Thuận Thành, Trung Thành, Đồng Tiến)	200	Thu hút các ngành công nghiệp: Lắp ráp Ôtô, cơ khí, điện tử, Chế biến thực phẩm, đồ uống; giết mổ gia súc, gia cầm; chế biến thức ăn nhanh; chế biến rau, củ; hoá dược; dụng cụ y tế; dụng cụ thú y; dệt may, da giày, thủ công mỹ nghệ; gốm sứ, thủy tinh; chiết nạp gas; cầu kiện bê tông, sản xuất VLXD.
2	KCN Sông Công I	Thị xã Sông Công (Mỏ Chè và Tân Quang)	220 (đã QHCT 129,51 ha)	Thu hút các ngành công nghiệp: Sản xuất dụng cụ y tế, phụ tùng, chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng, may mặc, sản xuất hàng tiêu dùng...

Stt	KCN	Vị trí	Diện tích (ha)	Tính chất, chức năng
3	KCN Sông Công II	Thị xã Sông Công (Tân Quang)	250	Thu hút các ngành công nghiệp: Sản xuất kim loại, máy Đi-ê-zen, phụ tùng, chế biến nông sản thực phẩm, vật liệu xây dựng, may mặc, điện tử...
4	KCN Tây Phổ Yên	Phổ Yên: (Minh Đức, Đắc Sơn, Vạn Phái)	200	Thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, sản xuất phụ tùng ô tô, lắp ráp ô tô, công nghiệp quốc phòng...
5	KCN Quyết Thắng	Thành phố Thái Nguyên (Quyết Thắng)	200	Thu hút các ngành công nghiệp: Công nghiệp công nghệ cao (vườn ươm công nghệ, công nghệ phần mềm), điện, điện tử.
6	KCN Diềm Thụy	Phú Bình (Diềm Thụy, Thượng Đình)	350	Thu hút các ngành công nghiệp: Luyện kim, cơ khí, chế tạo máy, vật liệu xây dựng, sản xuất lắp ráp ô tô, điện tử, công nghiệp phần mềm.
7	KCN- Đô thị Yên Bình	H. Phú Bình và Phổ Yên	2.350	KCN, khu chế xuất theo định hướng công nghiệp sạch và công nghệ cao.
<b>Cộng</b>			<b>3.770</b>	

### 3.2. Quy hoạch phát triển các Cụm công nghiệp đến 2020.

Stt	Tên cụm CN và địa điểm	Tính chất, chức năng	Diện tích (ha)
1	Cụm cảng Đa Phúc 1 Phổ Yên	Cơ sở hoá dược, sản xuất dụng cụ cơ khí, kết cấu thép...	50
2	Cụm cảng Đa Phúc 2, Phổ Yên	Cơ sở hoá dược, sản xuất dụng cụ cơ khí, kết cấu thép...	45,4
3	CCN Tân Hương, Phổ Yên	Sản xuất dụng cụ y tế, thiết bị điện, điện tử.	12
4	CCN Tân Trung - Thống Thượng, Phổ Yên	Sản xuất cơ khí, phụ tùng ô tô, lắp ráp điện tử, điện lạnh...	25
5	CCN Vân Thượng, Phổ Yên	Sản xuất kết cấu thép, vật liệu xây dựng...	47

Stt	Tên cụm CN và địa điểm	Tính chất, chức năng	Diện tích(ha)
6	CCN Khuynh Thạch, Sông Công	Cơ sở luyện kim, đúc, cán thép, vật liệu xây dựng.	40
7	CCN Nguyễn Gon, Sông Công	Cơ sở luyện kim, cơ khí, công nghệ phần mềm.	16,63
8	CCN Bá Xuyên, Sông Công	Cơ khí, phụ tùng ô tô, máy thủy, dụng cụ y tế, chế biến nông sản...	50
9	CCN Phú Lạc 1, Đại Từ	Sản xuất VLXD, vật liệu chịu lửa, chế biến khoáng sản.	52
10	CCN Phú Lạc 2, Đại Từ	Sản xuất VLXD, vật liệu chịu lửa, chế biến khoáng sản.	38
11	CCN An Khánh 1, Đại Từ	Sản xuất VLXD, nhiệt điện, luyện kim màu.	64,6
12	CCN An Khánh 2, Đại Từ	Sản xuất VLXD, nhiệt điện, luyện kim màu.	59,4
13	CCN Kim Sơn, Định Hoá	Sản xuất VLXD, khai thác khoáng sản, chế biến lâm sản...	20
14	CCN Sơn Phú, Định Hoá	Cơ sở sửa chữa cơ khí, chế biến lâm sản, khoáng sản...	13
15	CCN Trung Hội, Định Hoá	Sản xuất TTCN, sửa chữa cơ khí, đá mỹ nghệ...	7
16	CCN Sơn Cẩm 1, Phú Lương	Sản xuất kim loại, cơ khí, chế biến khoáng sản.	50
17	CCN Sơn Cẩm 2, Phú Lương	Cơ sở luyện kim, thiết bị điện, hoá dược, VL xây dựng, chế biến khoáng sản.	75
18	CCN Đu - Động Đạt, Phú Lương	Cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, chế tác đá mỹ nghệ, cơ khí...	25,6
19	CCN Trúc Mai, Võ Nhai	Chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD...	27,7
20	CCN Nam Hoà, Đông Hỷ	cơ sở sửa chữa cơ khí, luyện kim, chế biến khoáng sản.	40
21	CCN Quang Sơn 1, Đông Hỷ	Sản xuất VLXD, chế biến khoáng sản, sản xuất bao bì, cơ khí.	50
22	CCN Quang Sơn 2, Đông Hỷ	Sản xuất VLXD, chế biến khoáng sản, sản xuất bao bì, cơ khí.	50
23	CCN Quang Trung - Chí Sơn, Đông Hỷ	Cơ sở chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng.	45
24	CCN Đại Khai, Đông Hỷ	Cơ sở chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng.	30,5
25	CCN Tân Lập (số 1 và 2), TP Thái Nguyên	Sản xuất thiết bị điện, đồ uống, chiết xuất ga, cơ khí...	75

Stt	Tên cụm CN và địa điểm	Tính chất, chức năng	Diện tích(ha)
26	CCN Cao Ngạn 1 TP Thái Nguyên	Sản xuất VLXD, đúc, luyện kim, thiết bị điện, cơ khí...	50
27	CCN Cao Ngạn 2, TP Thái Nguyên	Sản xuất VLXD, đúc, luyện kim, thiết bị điện, cơ khí...	50
28	CCN Đầm Thụy, Phú Bình	Sản xuất kim loại, thiết bị điện, hoá dược, VL xây dựng, chế biến...	52
<b>Cộng</b>			<b>1.160,83</b>

### 3.3. Các điểm công nghiệp dự kiến phát triển đến năm 2020:

Trong giai đoạn đến 2020: Quy hoạch sử dụng đất ở các xã, phường, thị trấn đều phải có quỹ đất (từ 1 đến 3 điểm, tùy điều kiện thực tế và lợi thế so sánh từng địa bàn, nhưng tổng diện tích không quá 10ha) dành riêng cho phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

### 4. Phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề:

#### \* Định hướng phát triển:

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ tùy từng lĩnh vực ngành nghề sản xuất mà thu hút đầu tư vào các CCN cho phù hợp; các cơ sở SXCN và làng nghề chỉ phát triển trong các điểm công nghiệp đã có định hướng quy hoạch.

- Tùy từng điều kiện cụ thể, lợi thế so sánh của từng địa phương mà có phương án phát triển cho phù hợp (gắn và gắn với vùng nguyên liệu) như: Chế biến lâm sản, giấy, hàng mỹ nghệ mây tre đan... phát triển ở các huyện Định Hoá, Phú Lương, Võ Nhai; công nghiệp nhẹ, sản xuất hàng tiêu dùng (Chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống...) phát triển ở các huyện Phú Bình, Phổ Yên.

- Gắn phát triển các làng nghề chế biến, cơ sở tiểu thủ công mỹ nghệ với các khu du lịch, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn tỉnh.

#### \* Mục tiêu phát triển:

- Tiếp tục duy trì, mở rộng quy mô phát triển các cơ sở, làng nghề hiện có ở các huyện như: Trông và chế biến chè, mây tre đan, gạch ngói, miến, bún, mỳ trong giai đoạn đến năm 2020: Phân đầu 100% các xã nằm trong quy hoạch những vùng nguyên liệu quan trọng của tỉnh gắn với cơ sở chế biến.

- Phát triển các nghề thủ công, mỹ nghệ mới, trong giai đoạn đến năm 2020: Phân đầu ít nhất 30% dân cư nông thôn có thu nhập bằng các nghề sản xuất phụ ở những xã thuộc huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đông Hỷ, thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công...

- Phân đầu trong giai đoạn đến năm 2020, mỗi địa bàn cấp huyện có ít nhất từ 08 đến 10 làng nghề; tập trung nâng cao chất lượng, mở rộng phạm vi hoạt động và cơ bản giải quyết đủ việc làm và thu nhập ổn định cho lao động nông thôn.

### III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, cần triển khai đồng thời nhiều nhiệm vụ, giải pháp cả ở tầm vĩ mô lẫn vi mô. Trong quy hoạch đề cập một số nhiệm vụ, giải pháp chính như sau:

#### 1. Thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất:

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, xây dựng mới các chính sách ưu đãi đầu tư cho phù hợp với từng thời kỳ, điều kiện cụ thể và có sức hấp dẫn cao; bám sát, giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh, đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm; thúc đẩy giải ngân các dự án đầu tư.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp; quan tâm đến việc hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ về vốn, công nghệ, thông tin, môi trường đầu tư ... dành một khoảng kinh phí thích đáng cho công tác hỗ trợ, đầu tư và phát triển tiểu thủ công nghiệp, nhất là khu vực nông thôn và các làng nghề, tạo nghề mới góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

- Tạo điều kiện thuận lợi để dịch vụ tư vấn đầu tư chất lượng cao phát triển, có bộ phận chuyên trách hướng dẫn đầu tư, giới thiệu rộng rãi các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh, xây dựng ngân hàng dự án để kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước.

- Tiếp tục cải cách hành chính, duy trì có hiệu quả các công việc ở bộ phận một cửa, một cửa liên thông của tỉnh; tạo môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng, thống nhất vì sự phát triển công nghiệp chung của tỉnh.

- Có cơ chế ưu đãi đặc biệt đối với đầu tư công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đầu tư ngành chế biến nông - lâm sản - thực phẩm được ưu đãi cho vay vốn đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu tập trung. Định kỳ kiểm tra việc sử dụng tài nguyên (nhất là sử dụng đất); xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng tài nguyên không hiệu quả.

**2. Về huy động vốn:** Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách huy động vốn của mọi thành phần vào đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp phục vụ cho phát triển công nghiệp:

- Áp dụng chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng thông qua sự can thiệp của Nhà nước bằng công cụ lãi suất và tín dụng; tăng cường công tác huy động vốn tại địa phương của các ngân hàng quốc doanh và tổ chức tín dụng, hướng luồng vốn vào các ngành, các lĩnh vực cần ưu tiên; chuyển hình thức cho vay bằng thế chấp tài sản sang cho vay theo dự án (đặc biệt ưu tiên ngành công nghiệp chế biến, sản xuất hàng xuất khẩu, sử dụng nhiều lao động và có tỷ lệ giá trị gia tăng cao).

- Khuyến khích phát triển loại hình công ty cổ phần (các công ty sử dụng có hiệu quả vốn cổ phần hóa) để tạo cơ sở cho việc tham gia vào thị trường chứng khoán; khơi dậy tiềm năng tài chính trong nhân dân phục vụ cho phát triển sản xuất, mọi thành phần kinh tế đều tham gia sản xuất công nghiệp và xây dựng hạ tầng cơ sở...

### **3. Về thị trường**

- Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại phục vụ phát triển công nghiệp; duy trì trang WEB giao dịch điện tử của ngành Công Thương để giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường và thu hút đầu tư.

- Thắt chặt quan hệ với các tỉnh trong vùng, tăng cường hợp tác kinh tế-Khoa học-Công nghệ với các địa phương trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; hướng mạnh hơn nữa về thị trường nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng chính sách: Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, kích cầu, sản xuất hàng xuất khẩu...hỗ trợ cơ sở sản xuất tiếp cận thương mại điện tử, hình thành các tổ chức nghiên cứu thị trường, xúc tiến mậu dịch; thành lập văn phòng đại diện của tỉnh tại các thành phố, địa bàn kinh tế trọng điểm trong và ngoài nước.

- Từng doanh nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong nghiên cứu phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của mình, có chiến lược phát triển riêng, phải xác định chất lượng và giá thành sản phẩm là vấn đề quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp khi hội nhập; Chú trọng các thị trường quen thuộc như ASEAN, EU, Nhật Bản, Hồng Kông, Đài Loan; phục hồi thị trường Nga và Đông Âu; thâm nhập và phát triển thị trường Mỹ, Trung cận Đông, Châu Phi và Nam Mỹ, đặc biệt là thị trường các nước láng giềng Trung Quốc, Lào và Campuchia.

- Các doanh nghiệp phải năng động, ứng dụng hiệu quả khoa học tiếp thị hiện đại trong tìm kiếm thị trường như: Tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế, trưng bày giới thiệu sản phẩm, đẩy mạnh hoạt động quảng cáo, chào hàng, khuyến mãi hữu hiệu, hậu mãi...tăng cường sử dụng công cụ thương mại điện tử ...

### **4. Về phát triển vùng nguyên liệu:**

- Ngành Công Thương đảm bảo sự kết nối với các trung tâm nghiên cứu, các ngành, cấp trên địa bàn nhằm xây dựng, hình thành mối liên kết giữa: Cơ sở công nghiệp - nông nghiệp - nhà khoa học để nghiên cứu triển khai, đầu tư khoa học công nghệ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh phục vụ công nghiệp chế biến, đầu ra cho nông sản hàng hóa.

- Tăng cường công tác thăm dò, điều tra tài nguyên để phát triển ngành khai thác, chế biến bền vững, hiệu quả.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ về tài chính, tín dụng, kỹ thuật cho cơ sở sản xuất và nhà nông trong việc: Liên kết xây dựng vùng nguyên liệu; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thu hái, sơ chế, bảo quản sau thu hoạch (khuyến khích người sản xuất nguyên liệu đóng góp cổ phần bằng giá trị nguyên liệu với cơ sở chế biến).

- Nhà nước tạo thuận lợi tối đa trong việc giao đất, giao rừng và cho vay vốn ưu đãi, không cần thế chấp đối với các hộ tham gia xây dựng vùng nguyên liệu; có chính sách cụ thể điều hòa lợi ích giữa người sản xuất nguyên liệu và người chế biến.

### **5. Về khoa học công nghệ:**

- Trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển nhanh, nhưng nguồn lực của Tỉnh còn nhiều hạn chế, nên cần có phương án đổi mới công nghệ một cách thích hợp; lựa chọn đúng công nghệ cần đổi mới, sử dụng công nghệ nhiều tầng, kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại (khuyến khích tiếp nhận công nghệ hiện đại, kiên quyết ngăn chặn công nghệ lạc hậu), thông qua đổi mới công nghệ giúp nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, đảm bảo thay thế hàng nhập khẩu.

- Kết nối đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu của các trường đại học, đào tạo nghề trên địa bàn với quá trình hoạch định-tổ chức sản xuất-phát triển Công nghiệp của địa phương; tận dụng hiệu quả năng lực hiện có về nghiên cứu và đào tạo.

- Cập nhật kiến thức mới về tiến bộ khoa học công nghệ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân trong Tỉnh; rà soát lại lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật đã qua đào tạo cơ bản của tỉnh để có phương án điều chỉnh hợp lý; khuyến khích tài năng trẻ học tập sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng những thành quả công nghệ mới.

- Trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý ngành, tạo điều kiện tham quan, học tập, giao lưu với nước ngoài để kịp thời nắm bắt các thông tin về thị trường, công nghệ...

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ tiếp cận khoa học-kỹ thuật mới cho cán bộ quản lý doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập và cạnh tranh.

- Xây dựng chính sách về đổi mới công nghệ, hình thành doanh nghiệp khoa học công nghệ. Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp, mua phát minh, bí quyết công nghệ ...

### **6. Về đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển CN**

- Đào tạo thường xuyên theo định hướng phát triển công nghiệp chung của tỉnh và cả nước về điều chỉnh cơ cấu lao động theo chuyên dịch cơ cấu kinh tế, chuyên dịch nội bộ ngành... đảm bảo đủ nguồn nhân lực và có kế hoạch sử dụng hợp lý.



- Mở rộng hợp tác đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề với các cơ sở có trang thiết bị hiện đại trong và ngoài tỉnh; khuyến khích, hỗ trợ một phần kinh phí các doanh nghiệp tự góp vốn và trang bị phương tiện để nâng cao chất lượng đào tạo; tạo sự liên kết giữa các cơ quan: Quản lý nhà nước- tư vấn phát triển kinh tế - kỹ thuật công nghệ- doanh nghiệp-các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề, để hỗ trợ nhau trong đào tạo, cung ứng, sử dụng nhân lực một cách có hiệu quả nhất.

- Liên kết, kêu gọi đầu tư các cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc tế; đầu tư xây mới, mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh; đầu tư trang thiết bị hiện đại cho dạy nghề, tăng cường liên kết, thu hút đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao về giảng dạy.

- Khuyến khích, hỗ trợ đào tạo theo địa chỉ, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cho sinh viên học các chuyên ngành đang có nhu cầu phát triển và tiếp nhận họ sau khi tốt nghiệp; có chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài, chuyên gia giỏi trong từng chuyên ngành công nghiệp; xã hội hóa công tác giáo dục, đào tạo nghề.

### **7. Về bảo vệ môi trường**

- Gắn quy hoạch phát triển công nghiệp, kinh tế - xã hội của tỉnh với phát triển bền vững môi trường; kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, các giải pháp hữu ích về bảo vệ môi trường.

- Quan trắc, thanh kiểm tra thường xuyên các cơ sở sản xuất trong việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường. Đầu tư, hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình xử lý môi trường tập trung. Tăng cường giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho: Người lao động, cán bộ quản lý doanh nghiệp; ban quản lý các khu, cụm công nghiệp; cán bộ quản lý nhà nước về môi trường Công nghiệp...

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật trong đầu tư mới các công trình Công nghiệp, trong khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên...

### **8. Về tổ chức quản lý**

- Phải có sự phối hợp đồng bộ, kịp thời giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các cơ sở sản xuất Công nghiệp vì sự phát triển chung của ngành.

- Hoàn thiện hoạt động thống kê, đánh giá tình hình phát triển Công nghiệp, công bố các thông tin liên quan đến phát triển ngành và kịp thời phát hiện các vấn đề cần tháo gỡ.

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đã có và xây dựng mới các quy hoạch còn thiếu; xây dựng quy hoạch chi tiết các khu, cụm, điểm công nghiệp; vùng nguyên liệu; cơ sở hạ tầng dùng chung cho phát triển công nghiệp.

- Cần kiện toàn bộ máy, bồi dưỡng đào tạo nâng cao trình độ cán bộ quản lý công nghiệp từ ngành đến các huyện, thành, thị.

## **9. Về hoạt động khuyến công và xúc tiến thương mại.**

- Đổi mới nội dung và nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công và xúc tiến thương mại; hướng các hoạt động này thiết thực cho kêu gọi đầu tư, duy trì và phát triển sản xuất, đặc biệt là các ngành nghề mới, tiêu thủ công mỹ nghệ và làng nghề, các sản phẩm mũi nhọn có tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định 136/2007/QĐ-TTg ngày 20/8/2007 của Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012, tập trung vào những chương trình hỗ trợ: Nâng cao năng lực quản lý; đào tạo, truyền và phát triển nghề trong các cơ sở Công nghiệp nông thôn; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật; liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế; lập quy hoạch chi tiết, xây dựng kết cấu hạ tầng cụm, điểm công nghiệp...bằng các nguồn vốn Trung ương và địa phương.

- Quản trị và duy trì trang web của ngành; nâng cấp bản tin kinh tế; tư vấn và giúp các doanh nghiệp xây dựng, duy trì trang web, phát triển thương hiệu, ứng dụng công nghệ mới, tìm kiếm thị trường; tổ chức các lớp tập huấn về phát triển thương mại điện tử, xúc tiến thương mại; tổ chức hội chợ....

## **10. Về phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp.**

- Trên cơ sở Quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, tận dụng mọi nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trong và ngoài hàng rào; tạo quỹ đất sạch, điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư.

- Phát triển, thu hút đầu tư và bố trí ngành nghề vào các khu, cụm, điểm công nghiệp phải đúng quy hoạch, đảm bảo hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững.

- Hàng năm rà soát Quy hoạch các khu, cụm, điểm công nghiệp, để có phương án điều chỉnh phù hợp; các xã, phường, thị trấn đều phải có quỹ đất dành riêng cho phát triển tiêu thủ công nghiệp và làng nghề.

### **Điều 2: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

#### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xem xét cân đối và huy động các nguồn lực; cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách theo kế hoạch 5 năm và hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt để đảm bảo thực hiện quy hoạch. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, nếu có phát sinh cần tính toán điều chỉnh và thông báo cho các ngành cùng thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt, ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp theo định hướng của quy hoạch.

## 2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp cùng Sở Kế hoạch & Đầu tư cân đối, phân bổ nguồn vốn ngân sách đảm bảo thực hiện các mục tiêu quy hoạch và hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển các khu, cụm công nghiệp hàng năm và 5 năm.

## 3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai, hướng dẫn, giám sát và tổ chức thực hiện quy hoạch; kêu gọi đầu tư theo kế hoạch được duyệt hàng năm và 5 năm, hướng dẫn triển khai các dự án đầu tư trong lĩnh vực Công nghiệp; tranh thủ sự hướng dẫn và hỗ trợ của Bộ Công Thương, các Bộ Ngành Trung ương đầu tư vào sản xuất công nghiệp trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cấp phép đầu tư vào các cụm, điểm công nghiệp; hướng dẫn các danh mục ngành nghề được ưu tiên, khuyến khích, các ngành nghề cấm hoặc hạn chế đầu tư; theo dõi, đề xuất kịp thời việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch (nếu có).

- Phối hợp với các Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, tổ chức các dịch vụ hỗ trợ sản xuất và xuất khẩu nhằm đẩy mạnh phát triển Công nghiệp. Hướng dẫn doanh nghiệp: Trong quá trình tham gia hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, thương hiệu hàng hóa, cung cấp thông tin về chính sách, các rào cản kinh tế, kỹ thuật của các nước nhập khẩu và biện pháp xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp để chủ động tổ chức sản xuất, phòng tránh rủi ro.

## 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các cấp chính quyền: Tổ chức quản lý, bảo vệ và hướng dẫn cấp phép có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên cho sản xuất của các ngành công nghiệp trên địa bàn Tỉnh; hoạch định, hướng dẫn và tổ chức giám sát công tác bảo vệ môi trường công nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ phát triển Công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hoạch định trong bản quy hoạch này.

## 5. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện các cơ chế chính sách đặc thù về hỗ trợ, tiếp nhận, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới thiết bị-công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh tiếp thu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; lập các đề tài nghiên cứu khoa học (nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong quá trình tham gia

hội nhập kinh tế quốc tế) và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, thương hiệu, dịch vụ theo quy định.

### **6. Sở Xây dựng**

- Phối hợp các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng theo định hướng của quy hoạch.

- Thẩm định hoặc hướng dẫn các cơ quan liên quan thẩm định trình cấp thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình, hạng mục công trình, quy hoạch chi tiết các khu, cụm, điểm công nghiệp trên địa bàn theo quy định hiện hành.

### **7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Quy hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả các vùng nguyên liệu chuyên canh (nuôi, trồng tập trung), tăng cường chỉ đạo công tác khai thác phục vụ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, nhất là chế biến các mặt hàng xuất khẩu; triển khai việc ứng dụng các giống cây, con có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, Ngành liên quan hướng dẫn, hỗ trợ việc đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề cho lao động nông thôn theo hoạch định phát triển các ngành nghề.

### **8. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

Kết hợp tổ chức tốt công tác xúc tiến thương mại, tuyên truyền quảng bá du lịch làng nghề; phối hợp với các đơn vị liên quan đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường làng nghề du lịch; hoạch định chương trình phát triển hàng lưu niệm, tổ chức các điểm trưng bày và bán sản phẩm du lịch gắn với các cơ sở sản xuất làng nghề.

### **9. Sở Giao thông vận tải**

Hoạch định và thực hiện xây dựng, nâng cấp các tuyến giao thông đến các khu, cụm, điểm công nghiệp trên địa bàn, các đầu mối giao thông phù hợp với quy hoạch phát triển từng thời kỳ; phát triển lực lượng vận tải đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp và kinh tế-xã hội của Tỉnh. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố, Ban quản lý các khu, cụm công nghiệp hướng dẫn xây dựng các đường gom của các khu, cụm công nghiệp, điểm đầu nối với quốc lộ và tỉnh lộ đúng quy định.

### **10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Triển khai quy hoạch nguồn nhân lực đáp ứng cho nhu cầu phát triển công nghiệp; lập kế hoạch đào tạo nghề, đào tạo kỹ thuật phục vụ quá trình phát triển của các ngành công nghiệp theo định hướng quy hoạch.

### **11. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập quy hoạch chi tiết các

khu công nghiệp, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành; phối hợp cùng các cấp, ngành làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ các khu công nghiệp. Kêu gọi, thu hút đầu tư, phối hợp cùng các ngành có liên quan thẩm định dự án đầu tư và giải quyết mặt bằng cho các doanh nghiệp đầu tư vào các khu công nghiệp. Quản lý doanh nghiệp, các công trình hạ tầng kỹ thuật, môi trường, an ninh trật tự trong các khu công nghiệp.

## 12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan: Tổ chức quản lý, chủ động thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư vào các cụm, điểm công nghiệp; chỉ đạo và tổ chức công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư, xây dựng hạ tầng cụm, điểm công nghiệp; hoạch định và tổ chức thực hiện phát triển ngành nghề tiểu thủ công mỹ nghệ, quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp, vùng nguyên liệu tập trung trên địa bàn mình quản lý.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 06/5/2005 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006-2015 có xét đến 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT-SXKD.

Nam2010/Quyếtđịnh/1.018/70b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Quốc Vượng**